TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2021/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 30 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 101/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Lê Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nuôi con chung:* Chị Trần Thị L và anh Lê Văn C thống nhất, vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Lý Q, sinh ngày 07-6-2008. Hai bên thỏa thuận: Giao con Lê Lý Q cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 10/2021 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về chia tài sản và nợ chung:* Chị Trần Thị L và anh Lê Văn C thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị L phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, anh C phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Hai bên thỏa thuận, chị L chịu thay toàn bộ án phí ly hôn cho anh C. Số tiền án phí chị L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0002487, ngày 19-8-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã S;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn